

Số: 15/2006/QĐ-BTS

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

***Về việc ban hành Quy chế quản lý nhập khẩu, xuất khẩu
hàng hoá chuyên ngành thủy sản***

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Luật Thủy sản 2003;

Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh giống vật nuôi năm 2004; Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33 /2005 NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 19/3/1996 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/2/2006 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 344/2001/QĐ- BTS ngày 02/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về quản lý xuất nhập khẩu hàng hoá thủy sản chuyên ngành thời kỳ 2001-2005 và các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định số 344/2001/QĐ-BTS. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có quản lý nhà nước về thủy sản; tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

BỘ THỦY SẢN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**QUẢN LÝ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU
HÀNG HOÁ CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTS ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. *Đối tượng áp dụng*: Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở) có hoạt động liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản.

2. *Phạm vi điều chỉnh*: Thủy sản sống, thủy sản làm giống; thức ăn cho thủy sản, nguyên liệu sản xuất thức ăn cho thủy sản; thuốc thú y thủy sản, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi tắt là hàng hóa chuyên ngành thủy sản).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thủy sản làm giống*: Là các loài động vật, thực vật thủy sản kể cả trứng, phôi, tinh trùng và ấu trùng của chúng có thể dùng để sản xuất giống, nuôi thương phẩm hoặc nuôi làm cảnh.

2. *Khảo nghiệm thủy sản làm giống*: Là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định giống cây trồng, giống vật nuôi thủy sản mới nhập khẩu lần đầu hoặc mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác động của giống thủy sản đó.

3. *Thuốc thú y thủy sản*: Là những chất, hoặc hợp chất có nguồn gốc từ động vật, thực vật, vi sinh vật, khoáng chất, hoá chất được dùng để phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh hoặc để phục hồi, điều chỉnh, cải thiện các chức năng của cơ thể động vật thủy sản bao gồm: dược phẩm, hoá chất, vắc xin, hoocmon, một số chế phẩm sinh học khác và một số vi sinh vật dùng trong thú y thủy sản.

4. *Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi thủy sản*: Là những chất, hoặc hợp chất có nguồn gốc từ khoáng chất, hoá chất, động vật, thực vật, vi sinh vật và các chế phẩm từ chúng được sử dụng để điều chỉnh pH, độ kiềm, oxy hoà tan, các chất hữu cơ, phát triển hoặc ức chế tảo hoặc đưa vào môi trường nuôi với mục đích khác với tính năng tác dụng của thuốc thú y.

5. *Nguyên liệu dùng làm thuốc thú y thủy sản*: Là những chất tham gia vào thành phần cấu tạo của thuốc thú y thủy sản.

6. *Khảo nghiệm thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản*: Là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn, những tác động đối với môi trường của mẫu thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản do nước ngoài sản

xuất khi đăng ký nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam trên một số động vật, thực vật thủy sản tại cơ sở khảo nghiệm.

7. *Thức ăn cho thủy sản*: Là sản phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, vi sinh vật, hoá chất, khoáng chất cung cấp cho vật nuôi các chất dinh dưỡng để bảo đảm cho hoạt động sống, phát triển và sinh sản.

8. *Chất bổ sung vào thức ăn*: là loại vật chất cho thêm vào khẩu phần ăn để cân đối thêm các chất cần thiết cho cơ thể vật nuôi.

9. *Nguyên liệu dùng làm thức ăn thủy sản* : Là các loại sản phẩm dùng để sản xuất, chế biến thành thức ăn cho thủy sản.

10. *Khảo nghiệm thức ăn cho thủy sản*: Là việc sử dụng thức ăn cho thủy sản để nuôi dưỡng một số loại giống thủy sản trong khoảng thời gian, quy mô và điều kiện nhất định nhằm đánh giá tác động của loại thức ăn đó đối với quá trình sinh trưởng và phát triển của giống thủy sản được khảo nghiệm.

11. *Bản sao hợp pháp*: là bản sao được cơ quan thẩm quyền nhà nước xác nhận (công chứng nhà nước, đại diện chính quyền các cấp, cơ quan thẩm quyền các Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ)

Điều 3. Lệ phí.

Cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản phải nộp lệ phí theo qui định hiện hành.

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Điều 4. Nhập khẩu thông thường không phải xin phép

Hàng hoá có tên trong Danh mục các loài thủy sản được nhập khẩu thông thường ([phụ lục 1](#)); Danh mục các loại thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản được nhập khẩu thông thường ([phụ lục 2](#)) chỉ phải làm thủ tục thông quan tại Hải quan cửa khẩu, không phải xin cấp phép. Riêng đối với nhập khẩu cá cảnh trong hồ sơ nhập khẩu phải có văn bản cam kết của cơ sở nhập khẩu chỉ nhập khẩu để nuôi làm cảnh, không phát tán ra môi trường tự nhiên (theo mẫu tại [Phụ lục 14](#)).

Sản phẩm hàng hóa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường và Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện là sản phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 5. Nhập khẩu, xuất khẩu có điều kiện

Hàng hoá có tên trong Danh mục các mặt hàng phục vụ nuôi trồng thủy sản nhập khẩu có điều kiện ([phụ lục 3](#)); Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện ([phụ lục 4](#)) nếu đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại phụ lục 3 và phụ lục 4, chủ hàng trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu với Hải quan cửa khẩu.

Sản phẩm hàng hóa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường và Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện là sản phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 6. Nhập khẩu phải xin cấp phép

1. Hàng hoá chưa có tên trong các Danh mục nhập khẩu thông thường hoặc Danh mục nhập khẩu có điều kiện quy định tại các Điều 4, Điều 5 của Quy chế này chỉ được nhập khẩu với số lượng đủ để khảo nghiệm, nghiên cứu; giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Cơ sở nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành thủy sản trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này phải làm hồ sơ và thủ tục xin cấp phép nhập khẩu theo qui định tại Chương III Quy chế này.

3. Để được bổ sung vào Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường và Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp nhập khẩu để khảo nghiệm phải có báo cáo kết quả khảo nghiệm và nộp đơn đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 7. Xuất khẩu các loài thủy sản có tên trong Danh mục tại Phụ lục 5

Các loài thủy sản có tên trong Danh mục tại [Phụ lục 5](#) chỉ được xuất khẩu trong một số trường hợp để thực hiện Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Cơ sở xuất khẩu phải làm hồ sơ và thủ tục xin cấp phép xuất khẩu theo qui định tại Chương III Quy chế này.

Điều 8. Công bố việc sửa đổi các Danh mục

Căn cứ vào kết quả khảo nghiệm, Bộ Thủy sản xem xét để bổ sung mới hoặc loại ra khỏi Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường và Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện nếu phát hiện có hàng hóa gây tác động, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

Định kỳ 2 tháng một lần, Bộ Thủy sản công bố việc bổ sung, sửa đổi các Danh mục nêu tại các Điều 4, 5, 7 của Quy chế này.

Điều 9. Kiểm tra chất lượng, kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu

1. Hàng hoá chuyên ngành thủy sản nhập khẩu (hàng hóa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường, Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện hoặc nhập khẩu để khảo nghiệm, nghiên cứu) được kiểm tra chất lượng và kiểm dịch theo các qui định hiện hành. Bộ Thủy sản công bố danh mục hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải kiểm dịch khi có yêu cầu.

2. Việc kiểm tra chất lượng và kiểm dịch đối với hàng hoá xuất khẩu được thực hiện theo yêu cầu nước nhập khẩu.

CHƯƠNG III

HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC CẤP PHÉP NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Điều 10. Hồ sơ xin cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu thủy sản

1. Trường hợp nhập khẩu thủy sản làm giống để khảo nghiệm

- a. Đơn xin nhập khẩu ([Phụ lục 6](#));
- b. Bản sao hợp pháp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp của cơ sở nhập khẩu;
- c. Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thủy sản xin nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;
- d. Bản thuyết minh đặc tính sinh học, hiệu quả kinh tế của loài thủy sản xin nhập;
- đ. Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản ([Phụ lục 7A](#)) và đề xuất số lượng giống cần nhập khẩu để khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm được Bộ Thủy sản công nhận;
- e. Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y thủy sản cơ sở thực hiện khảo nghiệm do cơ quan có thẩm quyền kết luận đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp nhập khẩu thủy sản làm giống để nghiên cứu

Ngoài các quy định tại các Điểm a; c; d Khoản 1 cần bổ sung thêm:

a. Tóm tắt đề cương nghiên cứu kèm theo đề xuất số lượng sản phẩm cần nhập khẩu ([Phụ lục 8](#)).

b. Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập của cơ quan nghiên cứu hoặc văn bản đồng ý của Bộ Thủy sản trong trường hợp cơ sở nhập khẩu là doanh nghiệp.

3. Trường hợp nhập khẩu thủy sản chưa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường, Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt nam

Ngoài các quy định tại các Điểm a; b; c Khoản 1 cần bổ sung thêm:

a. Giấy tờ hợp pháp về việc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam

b. Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại.

4. Trường hợp xuất khẩu thủy sản có tên trong Danh mục tại Phụ lục 5.

a. Đơn đề nghị xuất khẩu ([Phụ lục 9](#))

b. Bản sao hợp pháp Điều ước quốc tế mà Việt nam đã ký kết hoặc gia nhập;

c. Đối với những loài thuộc CITES quản lý thì thực hiện theo qui định của CITES Việt Nam .

Điều 11. Hồ sơ xin cấp phép nhập khẩu thuốc thú y thủy sản; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

1. Trường hợp nhập khẩu để khảo nghiệm

a. Đơn đề nghị nhập khẩu ([Phụ lục 6](#));

b. Bản sao hợp pháp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp;

c. Giấy chứng nhận sản phẩm được phép sản xuất, lưu hành sử dụng cho nuôi trồng thủy sản do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất cấp (bản gốc hoặc bản sao hợp pháp) và bản dịch ra tiếng Việt đảm bảo đúng với nội dung bản chính.

d. Bản tóm tắt đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của sản phẩm ([Phụ lục 10A](#) đối với thuốc thú y thủy sản; [Phụ lục 10B](#) đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản);

đ. Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm của nhà sản xuất và của cơ quan thẩm quyền nước sản xuất hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập cấp (bản gốc hoặc bản sao hợp pháp) và bản dịch ra tiếng Việt đảm bảo đúng với nội dung bản chính;

e. Đề cương khảo nghiệm ([Phụ lục 7B](#) đối với thuốc thú y và [Phụ lục 7C](#) cho sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản) của cơ sở khảo nghiệm được Bộ Thủy sản công nhận;

g. Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở thực hiện khảo nghiệm của cơ quan thẩm quyền kết luận đạt yêu cầu theo qui định hiện hành.

2. Trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu.

Ngoài các quy định tại các Điểm a, đ, e tại Khoản 1 cần bổ sung thêm:

a. Tóm tắt đề cương nghiên cứu ([Phụ lục 8](#))

b. Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập của cơ quan nghiên cứu hoặc văn bản đồng ý của Bộ Thủy sản trong trường hợp cơ sở nhập khẩu là doanh nghiệp.

3. Trường hợp nhập khẩu sản phẩm chưa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường, Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt nam

Ngoài các quy định tại các Điểm a, b, c khoản 1 Điều này cần bổ sung thêm:

- a. Giấy tờ hợp pháp về việc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam
- b. Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại.

Điều 12. Hồ sơ xin cấp phép nhập khẩu chế phẩm sinh học mới chưa có tên trong Danh mục tại Phụ lục 3.

1. Trường hợp nhập khẩu để khảo nghiệm

- a. Đơn xin nhập khẩu ([Phụ lục 6](#))
- b. Bản sao hợp pháp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp;
- c. Giấy chứng nhận sản phẩm được phép sản xuất, lưu hành chế phẩm sinh học do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất cấp (bản gốc hoặc bản sao hợp pháp) và bản dịch ra tiếng Việt đảm bảo đúng với nội dung bản chính ;
- d. Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm của nhà sản xuất và cơ quan thẩm quyền nước sản xuất hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập cấp (bản gốc hoặc bản sao hợp pháp) và bản dịch ra tiếng Việt đảm bảo đúng với nội dung bản chính;
- đ. Đề cương khảo nghiệm ([Phụ lục 7D](#)) của cơ sở khảo nghiệm được Bộ Thủy sản công nhận.
- e. Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở thực hiện khảo nghiệm được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu

Ngoài các quy định tại các Điểm a; d Khoản 1 Điều này cần bổ sung thêm:

- a. Tóm tắt đề cương nghiên cứu ([Phụ lục 8](#))
- b. Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập của cơ quan nghiên cứu hoặc văn bản đồng ý của Bộ Thủy sản trong trường hợp cơ sở nhập khẩu là doanh nghiệp.

3. Trường hợp nhập khẩu sản phẩm chưa có tên trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu thông thường, Danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện cho mục đích giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt nam.

Ngoài các quy định tại các Điểm a; b; c; d Khoản 1 Điều này cần bổ sung thêm :

- a. Giấy tờ hợp pháp về việc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam
- b. Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại.

Điều 13. Thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu

1. Cơ sở muốn nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản theo qui định tại các Điều 6,7 của Quy chế này phải gửi hồ sơ xin cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu về Cục Quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, cơ quan quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả cho cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu, nêu rõ yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản cấp giấy phép nhập khẩu ([Phụ lục 11](#)), giấy phép xuất khẩu ([Phụ lục 12](#)). Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm của doanh nghiệp nhập khẩu, Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn theo quy định của Pháp lệnh Thú y xem xét kết quả khảo nghiệm để bổ sung vào Danh mục nhập khẩu thông thường và Danh mục nhập khẩu có điều kiện và trả lời cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Quản lý Chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản

1. Trách nhiệm

a. Tổ chức phổ biến, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan cho các đơn vị trong hệ thống và các doanh nghiệp nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản trên phạm vi cả nước.

b. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành sử dụng trong nuôi trồng thủy sản đối với các Trung tâm vùng, các cơ quan quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tỉnh /thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở sản xuất kinh doanh

c. Định kỳ 2 tháng 1 lần Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản trình Bộ Thủy sản công bố việc bổ sung, sửa đổi các Danh mục nêu tại các Điều 4,5,7 của Quy chế này và đưa lên trang tin điện tử của Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản.

d. Trong thời gian 2 năm kể từ khi Quy chế này có hiệu lực thi hành, Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản trực tiếp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản, cấp phép theo qui định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này.

e. Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn và phân cấp cho cơ quan quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tỉnh /thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu việc thực hiện trách nhiệm nêu tại Điểm d và f Khoản 1 Điều 14 cho cơ quan quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tỉnh /thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu

f. Bảo mật các tài liệu phục vụ cho việc cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản do các cơ sở gửi đến.

2. Quyền hạn

a. Yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu cho công tác thẩm định cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Chương III Quy chế này .

b. Cấp và thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản trong các trường hợp được qui định tại Điều 6, 7 của Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của các Trung tâm chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản vùng

1. Trách nhiệm

Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y của các cơ sở thực hiện khảo nghiệm qui định tại khoản 1, Điều 10, Khoản 1 Điều 11 và Khoản 1 Điều 12 trong phạm vi phụ trách của Trung tâm vùng.

2. Quyền hạn

Yêu cầu cơ sở thực hiện khảo nghiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trách nhiệm

Kiểm tra việc lưu hành, sử dụng hàng hoá chuyên ngành thủy sản nhập khẩu theo quy định tại Quy chế này tại các cơ sở nhập khẩu, đại lý phân phối, cửa hàng buôn bán và các cơ sở sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Điểm d và f Khoản 1 Điều 14 theo phân cấp của Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản.

2. Quyền hạn

a. Yêu cầu các cơ sở nhập khẩu, đại lý phân phối, cửa hàng buôn bán và các cơ sở sản xuất thủy sản cung cấp hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra hàng hoá chuyên ngành thủy sản theo qui định Quy chế này và các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan.

b. Niêm phong các hàng hoá nhập khẩu dùng trong nuôi trồng thủy sản không có tên trong Danh mục được phép nhập khẩu thông thường; Danh mục nhập khẩu có điều kiện hoặc không có giấy phép nhập khẩu theo các trường hợp qui định tại Điều 6 Quy chế này

c. Thông báo cho Thanh tra chuyên ngành thủy sản khi phát hiện hành vi vi phạm các qui định của Quy chế ([phụ lục 13](#)).

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của Thanh tra chuyên ngành thủy sản

1. Trách nhiệm

a. Thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm và quyền hạn trong việc thực hiện Quy chế này.

b. Thực hiện thanh tra kịp thời các hành vi vi phạm khi nhận được thông báo của cơ quan kiểm tra.

2. Quyền hạn

a. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm và quyền hạn trong việc thực hiện Quy chế này; các cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu; đại lý phân phối, cửa hàng buôn bán và các cơ sở sản xuất thủy sản cung cấp hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh tra .

b. Xử lý các hành vi vi phạm theo qui định của Pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản

1. Nghĩa vụ

- a. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản
- b. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Quyền lợi

- a. Được hướng dẫn các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản.
- b. Được giải đáp các vướng mắc về hồ sơ, thủ tục trong quá trình xin cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản.
- b. Được tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến các quy định liên quan đến xuất, nhập khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản có hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc thực hiện qui chế này bị xử lý theo qui định của Pháp luật.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản có quyền khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền về các hành vi vi phạm Quy chế này.
2. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan chức năng có thẩm quyền về những hành vi vi phạm Quy chế này.
3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này .
2. Đào tạo, hướng dẫn các tổ chức có thẩm quyền để tiến tới phân cấp thẩm quyền cấp phép cho cơ quan quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tỉnh /thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Bổ sung, sửa đổi quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Bộ trưởng Bộ Thủy sản quyết định.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Minh